

MÁY NÉT ĐẶC SẮC CỦA TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN NAM BỘ

Tóm tắt: Cư dân Nam Bộ chủ yếu là người Việt, nhưng cũng có nhiều dân tộc khác như Khmer, Hoa, Chăm... cùng sinh sống bên nhau, đều tham gia ngay từ sớm vào quá trình khai phá vùng đất này, cùng góp phần xây dựng nên diện mạo Nam Bộ hôm nay về mọi mặt. Khi tiến vào Nam, người Việt một mặt bắt đầu tách xa hơn khỏi thế giới Trung Hoa, tiếp xúc với một thế giới hoàn toàn khác - phi Hoa, khiến họ cởi mở và năng động hơn về mọi phương diện, trong đó có tín ngưỡng, và mặt khác, dường như có một xu hướng ngược lại: một sự trở về văn hóa cổ Đông Nam Á cội nguồn. Bài báo này phân tích những hiện tượng giao thoa tín ngưỡng giữa các dân tộc, như: các tín ngưỡng Ông Tà, Quan Đế, Thiên Hậu và cùng sự nổi trội trên vùng đất Nam Bộ dấu ấn của các tín ngưỡng cổ Đông Nam Á (thờ đất, thờ đá, thờ mẹ - nữ thần, đồng cốt...) qua các tín ngưỡng Bà Chúa Xứ, Bà Đen, Thành hoàng, Ngũ Hành, Chủ Ngu Ma Nương,... - những tín ngưỡng góp phần làm phong phú và nổi bật hơn tâm thức của người Việt.

Từ khóa: Tín ngưỡng dân gian, Nam Bộ.

Dẫn nhập

Nam Bộ từ một vùng đất hoang vu sinh lầy đã trở nên trù phú giàu có và làm thay đổi lớn diện mạo của đất nước Việt Nam không chỉ về mặt tự nhiên mà cả về mặt văn hóa. Một Nam Bộ vừa mới mẻ so với phía Bắc, với sự năng động, cởi mở trong cả kinh tế và văn hóa, có sức lôi cuốn cả nước ra khỏi sự trì trệ ở thế kỷ 17 - 18, vừa đưa cả dân tộc sau ngàn năm chịu ảnh hưởng văn hóa Hoa sâu sắc, phần nào đứt đoạn với gốc rễ văn hóa Đông Nam Á của mình, trở lại gần gũi, gắn bó với cội nguồn văn hóa Đông Nam Á. Li Tana, nhà nghiên cứu

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 20/10/2017; Ngày biên tập: 25/10/2017; Ngày duyệt đăng: 02/11/2017.

người Australia, viết: “Đàng Trong, vào thế kỷ 17 và 18, chiếm một vị trí độc đáo trong lịch sử Việt Nam. Đàng Trong đã thành công trong vai trò là một động cơ của sự thay đổi tại Việt Nam trong suốt hai thế kỷ, kéo trọng tâm văn hóa, kinh tế và chính trị của cả nước xuống phía Nam. Không có hai thế kỷ này của Đàng Trong, cuộc Nam tiến hẳn đã không thành”¹, và “phía Nam đã đặt ra những thách thức riêng của nó và cách thức giải quyết các thách thức này của người di dân người Việt đã khiến họ bỏ lại khá xa ở phía sau cái quá khứ mới đây của họ trong khuôn mẫu Nho giáo của nhà Lê để trở lại gần với gốc Đông Nam Á của họ hơn”².

Chính đây là điểm hấp dẫn của văn hóa nơi miền đất mới Nam Bộ. Đóng góp vào sự đặc sắc của văn hóa Nam Bộ có một phần quan trọng của tín ngưỡng dân gian Nam Bộ. Từ góc độ văn hóa của người Việt, bài báo này mong muốn nêu ra những khác biệt làm nên sự đặc sắc của tín ngưỡng dân gian Nam Bộ so với các vùng miền khác.

1. Nam Bộ - một vùng đất được khai phá bởi nhiều tộc người, một diện mạo văn hóa đa dân tộc

Kể từ năm 1698, khi chúa Nguyễn Phúc Chu “sai Chương cơ là Thành Lễ hầu đem quân đi đánh nước Cao Miên, lấy Đồng Nai mẫu mở đặt làm hai huyện Phước Long và Tân Bình phủ Gia Định, lập hai dinh Trấn Biên và Phiên Trấn, mở đất nghìn dặm, được hơn bốn vạn hộ”³, thì Nam Bộ chính thức trở thành một bộ phận của đất nước Việt Nam. Tuy nhiên, công cuộc khai phá Nam Bộ của người Việt bắt đầu sớm hơn, quãng từ cuối thế kỷ 16 đầu thế kỷ 17.

Nam Bộ thời điểm ấy, theo nhiều nhà nghiên cứu, là một vùng đất gần như hoang hóa, cư dân ban đầu là người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long và người Mạ, người Stiêng ở Đông Nam Bộ ngày nay, nhưng đều rất ít. Mạc Đường viết: “Cho đến trước thế kỷ 17, người Khmer là thành phần cư dân duy nhất tồn tại ở đồng bằng sông Cửu Long. Họ sống khu biệt và không có mối quan hệ hành chính với bất cứ một quốc gia nào thời đó. Từ thế kỷ 17 trở về sau, đồng bằng sông Cửu Long lại là vùng đất nuôi sống và phát triển cho những người dân nghèo cùng cực, những người chống lại phong kiến khắc nghiệt. Phần đông nhất là những nông dân Việt từ miền Trung kéo đến. Họ tiếp xúc với người Khmer, tiếp tục đẩy mạnh việc chinh phục đồng bằng này.

Giống như người Khmer, họ cũng sống khu biệt và không có quan hệ với xã hội phong kiến người Việt đương thời”⁴.

Năm 1623, theo đề nghị của chúa Nguyễn, vua Campuchia đồng ý cho chúa Nguyễn đặt một trạm thu thuế của người Việt ở Prei Nokor (Sài Gòn), điều ấy chứng tỏ trước đây người Việt đã tự phát di cư đến Nam Bộ khá đông, làm ăn sinh sống khá phát đạt, khiến chúa Nguyễn thực hiện việc đánh thuế đối với họ. Đây là thời điểm đánh dấu sự có mặt của một cơ quan quản lý của nhà nước Việt Nam tại Đồng bằng sông Cửu Long.

Chính sách của các chúa Nguyễn góp phần đẩy nhanh quá trình khai phá Nam Bộ mang tính chất tự phát trước đây:

1) Khuyến khích người có tiền mộ dân vào khai thác đồng bằng Nam Bộ, nhiều người nghèo, người dân tộc, nhất là người Chăm, được mộ theo các nhóm dân khác nhau đến khai phá Nam Bộ ngay từ buổi đầu. Binh lính Nguyễn đồn trú ở vùng đất này cũng được khuyến khích làm nông. Nhà nước cấp nông cụ, giống cho binh lính và cả người dân để khuyến khích họ trồng lúa; miễn dịch, miễn phu, miễn lính cho dân, nếu họ nộp đủ số thuế quy định.

2) Cuối thế kỷ 17, xuất hiện thêm người Hoa theo chân các tướng nhà Minh đến Đàng Trong xin tỵ nạn, được chúa Nguyễn cho vào vùng đất nay là Biên Hòa, Sài Gòn, Mỹ Tho định cư. Đầu thế kỷ 18 một bộ phận người Hoa dưới sự chỉ huy của cha con Mạc Cửu đến vùng Hà Tiên lập nghiệp xin quy thuận chúa Nguyễn. Những người Hoa buổi đầu đến khai phá Nam Bộ được gọi là người Minh hương.

Sau này, người Hoa tiếp tục di cư theo đường biển đến Nam Bộ mà sử quan nhà Nguyễn gọi họ là Thanh nhân, người Chăm được bổ sung thêm vào Nam Bộ theo con đường vòng từ Miền Trung qua Campuchia đến Tây Ninh và Châu Đốc. Như vậy, người của các dân tộc Khmer, Việt, Mạ, Stieng, Chăm rồi sau đó là người Hoa đã góp phần khai phá một Nam Bộ còn hoang sơ và cùng nhau tạo nên diện mạo văn hóa đa dân tộc trên vùng đất này. Tất nhiên, lực lượng chủ yếu khai phá Nam Bộ vẫn chính là lưu dân từ Miền Trung Việt Nam di cư vào.

Như vậy, tính cách văn hóa đa dân tộc, sự giao thoa tín ngưỡng giữa các dân tộc đã sớm hình thành và tạo nên bản sắc riêng của vùng đất Nam Bộ.

2. Những hiện tượng giao thoa tín ngưỡng nổi bật trên đất Nam Bộ

2.1. Ông Tà, sự giao thoa Néak Ta Khmer với thạch thần, thổ thần người Việt, người Hoa

2.1.1. Néak Ta ở người Khmer

Néak Ta là vị thần được thờ rất phổ biến ở người Khmer. Néak Ta là thần bảo hộ cộng đồng, bảo hộ phum, sóc, gia đình. Khi ốm đau người Khmer thường đến miếu Néak Ta cầu xin gặp thầy gặp thuốc hay trực tiếp xin nước phép về uống (để bình nước trong miếu, qua đêm đem về cho người bệnh uống). Khi thê thốt, người ta cũng đến miếu xin thần chứng giám. Néak Ta bằng cách qua báo mộng, qua xin xăm, hay qua ông đồng, qua nhập hồn vào người nào đó (gọi là xác), để bày tỏ ý kiến của thần. Người dân tin rằng những nạn dịch gia súc, thất bát mùa màng... là do Néak Ta không hài lòng với con người.

Một số nhà nghiên cứu cho rằng Néak Ta giống vị Thành hoàng của người Việt là vị thần bảo hộ làng. Có lẽ họ dựa theo ý kiến của Lê Hương: “Ông tà (Néak Ta) là vị thần coi sóc một vùng như các vị quan to khi chết được nhà vua sắc phong làm thần ở Việt Nam, rất được sùng bái, được người Việt gốc Miên thờ bằng một viên đá, hoặc nhiều viên đá, chứ không tạc tượng”⁵.

Tôi thấy quan niệm coi Néak Ta giống như Thành hoàng không hoàn toàn đúng. Có thể Néak Ta gần giống về chức năng bảo hộ cộng đồng với Thành hoàng, nhưng Thành hoàng là thần làng được nhà nước phong kiến phong chức (quan niệm Nho giáo), và khác với Néak Ta, Thành hoàng ở người Việt là vị thần khác nhau giữa các làng. Một làng chỉ có một Thành hoàng, thường là một người, dù cũng có trường hợp Thành hoàng là nhiều người. Còn Néak Ta là một khái niệm thần linh phức tạp mà theo tôi biết người Việt không có thần tương đương: Một phum thường nhiều Néak Ta. Néak Ta có thể là vị thần trông coi một vùng đất, một khu rừng, một đoạn sông... chứ không cứ một phum hay một sóc, có thể là sức mạnh siêu linh của tự nhiên (đất,

nước, núi, ruộng, cây cỏ thụ, cây cối bình thường, rắn, trăn...), hay linh hồn một người đàn ông cụ thể.

Biểu tượng được thờ trong các miếu thờ Néak Ta rất đa dạng, phổ biến là một hay vài hòn đá, có khi chỉ là một gốc cây, nhưng cũng có khi (dù hiếm) là một (cá biệt có thể là hai) bức tượng giống người thật hay nhỏ bé hơn, đầu quấn (hay được vắt qua vai) một tấm khăn vàng, có khi là một con đôi môi khô, một thành gỗ chạm khắc hình linga, một tấm phù điêu cổ bằng đá, một linga bằng đá... người ta quan niệm Néak Ta mượn các vật ấy để trú ngụ. Biểu tượng Néak Ta ở Campuchia đa dạng hơn ở người Khmer Nam Bộ, có thể có trường hợp là nữ thần (người ta đặt tượng nữ thần trong miếu). Néak Ta Khlang Meoun được thờ ở nhiều tỉnh ở Campuchia. Khlang Meoun vốn là một thầy pháp tự nguyện chết để âm phù cho hoàng gia Campuchia dẹp nội loạn, sau được dân chúng thờ phụng như một anh hùng dân tộc. *Như vậy, Néak Ta có thể là vật linh, có thể là tổ tiên, có thể là anh hùng dân tộc....*

Néak Ta cũng được thờ trong khuôn viên các ngôi chùa Khmer.

Cứ khoảng đầu mùa mưa, tương đương tháng 5 dương lịch, người Khmer cúng Néak Ta kéo dài từ 2 đến 3 ngày, lễ cúng có thịt gia súc, gia cầm, hoa quả, rượu, cơm, muối, dầu dừa, bánh trái, để cầu xin thần phù hộ cho cầu mưa thuận gió hòa, cuộc sống an lành,... Đối với gia súc lớn, như bò, trâu, lợn, người ta thường dâng lên thần cái đầu, phần còn lại chia nhau. Điều kỳ lạ là người ta cúng xong để lại đồ cúng, kệ cho nó mốc hỏng, chim thú xơi, không bao giờ dám ăn đồ cúng. Vì vậy, xưa kia, quanh miếu Néak Ta hay có rắn, trăn, cá sấu, thậm chí cả hổ quanh quần ăn đồ cúng, người ta tin rằng đây là những con vật theo hầu ông Néak Ta, ai bị chúng tấn công là do xúc phạm đến ông (theo Lê Hương⁶).

2.1.2. Từ Néak Ta đến Ông Tà ở người Việt

Trong các khu vực sinh sống hoàn toàn chỉ có người Việt hay người Hoa, ta cũng thấy rất phổ biến các Ông Tà. Miếu Ông Tà không chỉ bên đường, ngoài vườn, ngoài ruộng mà còn xuất hiện trong nhiều đình, chùa, miếu của người Việt và người Hoa. Chẳng hạn tại chùa Ngọc Hoàng, một chùa người Hoa trên đường Mai Thị

Lưu, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, thờ chính là Ngọc Đế vẫn có một miếu nhỏ thờ Ông Tà.

Địa vị của Ông Tà ở người Việt và người Hoa chỉ là thần thổ địa, không còn lớn và có chức năng đa dạng như Néak Ta ở người Khmer.

Miếu thờ Ông Tà ở người Việt và người Hoa không có biểu tượng thờ đa dạng như ở miếu Néak Ta của người Khmer, mà thường chỉ có một hay vài hòn đá. Vì vậy, có người cho rằng đây là thần đá, và *một số miếu Ông Tà có thêm bài vị với chữ Hán “Thạch thần”*. Rõ ràng, Ông Tà đã thay đổi rất nhiều so với Néak Ta.

Tôi không tán thành nhiều tác giả không phân biệt Néak Ta với Ông Tà. Ông Tà, theo tôi, là vị thần mà người Việt và người Hoa ở Nam Bộ thờ phụng như một thần thổ địa trên vùng đất mới, gốc tích là thần Néak Ta của người Khmer, nhưng đã mang nội hàm khác đi.

Các miếu Ông Tà ở người Việt rất giản dị, đáng chú ý là thường có một cái khăn màu đỏ máu vắt qua, nhìn rất ấn tượng. Cá biệt, có trường hợp người ta để một tượng thần cụt đầu quấn khăn đỏ. Việc vắt cái khăn đỏ qua viên đá có thể là cách người Việt thay đổi so với tục lệ người Khmer thường bôi máu súc vật lên viên đá trong miếu Néak Ta vào dịp lễ, để cầu xin thần phù hộ cho mưa thuận gió hòa. Hành vi bôi máu này hình như chưa thấy có giải thích của nhà nghiên cứu nào. Phải chăng là cách cho vị thần thụ hưởng đồ cúng (?).

Đặc biệt và rất thú vị, có khi ta gặp việc thờ chung cả thần tài, thờ thần và Ông Tà trong một ngôi miếu nhỏ.

Tâm thức thờ thần thổ địa có sẵn ở người Việt và người Hoa khi đến vùng đất mới đã đón chào vị thần bản địa Khmer Néak Ta, biến thành thần thổ địa Ông Tà của mình. Ông Tà là bằng chứng nổi bật về sự giao thoa tín ngưỡng Khmer - Việt - Hoa.

2.2. Tín ngưỡng Quan Đế

Người Hoa đem vào Nam Bộ nhiều vị thần linh, nhưng nổi bật nhất là Quan Thánh Đế Quân (Quan Công) và Thiên Hậu.

Quan Vũ hay Quan Công là một danh tướng, được người Trung Quốc thờ rất phổ biến với nhiều ý nghĩa. Với Nho giáo, ông được coi như Võ Thánh, tương xứng với Văn Thánh (Khổng Tử). Với Phật

giáo, ông được coi như Hộ pháp, gắn liền truyền thuyết về việc hồn ông xuất hiện đòi đầu bị chém, được Trí Giả đại sư giác ngộ, khiến ông quy y, nguyện làm Hộ pháp. Với Đạo giáo, ông là Quan Đế trừ ma diệt ác.

Từ chỗ có nhiều tư cách, ông trở thành vị thần bảo hộ người Hoa, chăm lo cuộc sống của họ, cuối cùng, trở thành vị thần hộ mạng, thần buôn bán và thần tài trong dân gian. Những phẩm chất của ông như trí, dũng khiến ông trở thành thần hộ mạng diệt trừ ma quỷ; như trung, tín, khiến ông là vị thần kinh doanh, buôn bán, đảm bảo và chứng nhận cho giao dịch.

Miếu Quan Đế có mặt ở bất cứ đâu người Hoa đến định cư. Miếu thờ ông thường cũng kèm thêm thờ Châu Thương (tướng cận vệ của ông), Quan Bình (con nuôi trung thành của ông) cùng ngựa Xích Thố.

Ngoài miếu thờ riêng, có thể thấy Quan Đế còn được thờ rất phổ biến trong nhà dân, các cửa hiệu, cửa hàng, các cơ sở kinh doanh buôn bán của người Hoa, trong các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo khác (chùa Hoa thờ Phật, điện Ngọc Hoàng, miếu Thiên Hậu) và tất nhiên, trong các hội quán của họ.

Các hội quán, nơi người Hoa khi đặt chân đến vùng đất mới tập hợp nhau lại, tổ chức nhau thành một cộng đồng, tương trợ giúp đỡ nhau, thường có ban thờ Quan Đế và dần dần trở thành miếu thờ Quan Đế. Dân gian thường gọi miếu thờ Quan Đế bằng cái tên chùa Ông. Một số miếu thờ Quan Đế rất nổi tiếng: Chùa Ông (Nghĩa An Hội quán) ở tại số 676 đường Nguyễn Trãi, thuộc phường 11, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh là một di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng rất đông người thăm viếng. Đặc biệt, người ta đến đây để cầu tài. Không chỉ người Hoa mà rất đông người Việt đến lễ bái trước mỗi thương vụ làm ăn, cầu xin Quan Đế phù hộ cho thương vụ không đổ bể. Sau mỗi thương vụ, họ lại đến lễ tạ ơn. Cách ngôi chùa này không xa có một chùa Ông khác (được gọi là chùa Minh Hương) tọa lạc ở số 184 Hồng Bàng, phường 12, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh, nhỏ bé, yên tĩnh hơn. Một ngôi miếu Quan Đế khác rất nổi tiếng là chùa Ông (Quảng Triệu Hội quán) ở Cần Thơ xây dựng từ cuối thế kỷ 19, tọa lạc ngay bên bến Ninh Kiều, trung tâm Thành phố Cần Thơ, đã được nhà nước công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia. Ở Hà Tiên, Quan Đế miếu, một

ngôi miếu cổ có từ thời Mạc Thiên Tích, lại được gọi là chùa Năm Ông, vì ở đây người Hoa lập 5 ban thờ, thờ 5 vị, ngoài Quan Đế còn cả Trương Phi, Trương Tiên, Vương Linh Quan, Quan Bình. Tượng của 5 vị nói trên được tạo tác rất công phu, sống động.

Các đền miếu thờ Quan Đế do người Hoa lập ra đều được người Việt đến cúng lễ. Nhưng không chỉ thế, ban thờ ông còn hiện diện ở rất nhiều nhà người Việt. Ông cũng trở thành vị thần hộ mạng, thần tài của người Việt, y hệt như ở người Hoa. Những phẩm chất của ông, đặc biệt là các đức tính trung, tín, nghĩa rất phù hợp với tâm lý người Nam Bộ - những người ra đi mở đất, can trường, trọng nghĩa, khinh tài.

Vì lẽ một phần vì thế, đạo Cao Đài do người Việt lập ra, nhưng trên điện thần có Quan Công như vị thần đại diện của nam giới và Nho giáo, tương xứng với Quan Âm, như một thần đại diện cho nữ giới và Phật giáo. Chắc chắn, hai vị thần này có ảnh hưởng lớn trong người Việt và người Hoa, và Cao Đài, một tôn giáo sinh sau đẻ muộn, đã sử dụng hình ảnh của họ để tranh thủ tín đồ.

2.3. Tín ngưỡng Thiên Hậu

Thiên Hậu là vị thần được người Hoa được thờ phổ biến nhiều chỉ sau Quan Đế ở Nam Bộ. Bà được phối thờ ở các chùa miếu người Hoa và cũng được thờ ở miếu riêng, miếu bà Thiên Hậu, dân gian quen gọi là Chùa Bà.

Thiên Hậu Thánh Mẫu được thờ phổ biến ở người Hoa miền ven biển Nam Trung Quốc còn được gọi là “Ma Tô”, Mã Châu, “Thiên Thượng Thánh Mẫu”. Bà là thần bảo trợ nghề đi biển - “Nam Hải thần nữ”, lễ cúng vào ngày 23 tháng 3 âm lịch hằng năm. Người Hoa ở Tp. Hồ Chí Minh thường cho rằng sau khi cúng bà sẽ có cơn mưa đầu mùa cho Nam Bộ.

Về sự tích vị thần này, theo Vương Hồng Sển, bà có tên là Lâm Mặc, còn được gọi là bà Mi Châu, sinh ngày 23 tháng 3 Giáp Thân (1044), đời vua Tống Nhân Tông, sớm gặp thiên thơ tu thành đắc đạo. Một lần, cha bà là Lâm Tích Khánh cùng hai anh trai của bà đi thuyền chở muối đến Giang Tây để bán, giữa đường bị bão lớn. Lúc đó bà đang ở nhà ngồi dệt vải bên cạnh mẹ, liền xuất thần đi cứu cha và hai anh. Mẹ bà bỗng thấy bà nhắm mắt, hai tay dang ra nắm chặt, răng cắn

chặt liền hoảng hốt lay gọi. Bà tỉnh lại, kể cho mẹ hay lúc đó bà đang dùng răng cắn áo của cha, mỗi tay nắm một người anh, để họ khỏi bị sóng cuốn đi. Vì bị mẹ lay gọi dữ dội, bà đành mở miệng trả lời nên không giữ được cha, chỉ cứu được hai anh. Quả thật, mấy hôm sau hai anh bà trở về, kể lại chuyện gặp bão và cha bị cuốn trôi. Từ đó, ai đi biển gặp bão tố cũng gọi bà xin cứu giúp. Bà được nhà Tống sắc phong là “Thiên Hậu Thánh Mẫu” vào năm 1110⁷.

Tác giả Nguyễn Ngọc Thơ dựa trên các tư liệu Trung Quốc cho biết chi tiết hơn: Tín ngưỡng Ma Tổ - Thiên Hậu hình thành tại đảo Mi Châu, Phổ Điền, Phúc Kiến vào thời Tống ở Trung Quốc. Bà tên thật là Lâm Mặc Nương, là một nữ vu sư nổi tiếng con gái một ngư dân. Bà thường dùng năng lực phi phàm của mình để cứu giúp dân, dạy dân dùng rong biển cứu đói, cầu mưa, treo chiếu làm buồm, hàng phục hai thần: Thuận Phong Nhĩ và Lý Thiên Nhân, giải trừ thủy tai - quái phong.... Năm 1086, nhà Nam Tống chính thức cổ xúy cho tín ngưỡng này. Đời Thanh Khang Hy năm 1682, bà được gia phong Thiên Hậu Thánh mẫu⁸.

Người Hoa trên đường di cư sang Việt Nam bằng đường biển, thờ bà Thiên Hậu trên thuyền như là vị thần cứu hộ phò nguy, vượt qua sóng gió bão táp. Dùng chân lập nghiệp ở Nam Bộ, họ lập miếu thờ bà để tạ ơn và mong bà tiếp tục phù hộ họ ổn định cuộc sống trên vùng đất mới. Bà trở thành vị thần che chở bảo hộ cho người Hoa lập nghiệp xa quê hương.

Miếu thờ Thiên Hậu, còn gọi chùa Thiên Hậu, hay chùa Bà có ở rất nhiều nơi, bất cứ nơi nào có người Hoa cư trú đông, nhưng tập trung từ Nam Trung Bộ vào đến Cà Mau. Riêng ở khu vực Chợ Lớn, Tp. Hồ Chí Minh có đến 3 miếu cổ thờ bà, một ở đường Nguyễn Thị Minh Khai (Hồng Thập Tự xưa), một ở đường Nguyễn Trãi (quận 5) và miếu thứ ba ở cầu Ông Lãnh (đường Nguyễn Thái Học, quận 1).

Lễ vía bà thường có rước tượng, múa lân, hát Tiều/Triều, hát Quảng hay biểu diễn côn khúc. Đặc biệt, miếu Tuệ Thành ở Tp. Hồ Chí Minh còn có lễ khai ấn, phát ấn (?). Lễ hội ở miếu Bà tại Bình Dương của người Hoa gốc Phúc Kiến có múa con HẦU. “Đây là nét văn hóa độc đáo duy chỉ có ở Bình Dương, trong khi đó ở Hoa Nam người ta không còn múa hầu nữa. Đầu con hầu là một chiếc mặt nạ

tròn rất hung tợn, được vẽ nhiều màu sắc, quanh đầu râu ria xồm xàm, thân phủ một tấm vải màu vàng rực, đuôi thường làm bằng đuôi trâu hoặc bò. Múa hầu khác với múa lân, hay múa rồng, không được trèo leo hay nhún nhảy vui nhộn, mà phải nghiêm trang, đầu rướn lên cao, xoay mặt qua lại, lúc thì co lượn, trườn dài, lăn tròn xuống đất. Khi tổ chức rước Thiên Hậu du xuân, múa hầu đi trước để dọn đường”⁹.

Người Việt ở Nam Bộ cũng rất sùng tín bà. Bà không chỉ là thần biển cứu nạn mà còn là thần hộ mệnh, thần buôn bán. Người Hoa và người Việt có tục đến miếu bà Thiên Hậu “xin lộc“, “xin vàng“ hay “vay tiền” bà vào ngày rằm tháng Giêng (tết Nguyên tiêu ở người Hoa, tết Thượng nguyên ở người Việt) và “trả tiền vay” vào các tháng cuối năm.

Ví dụ, tại miếu Thiên Hậu, phường Phú Cường, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, mỗi mùa lễ hội, Nhà chùa phải làm hàng triệu bao lì xì đựng “vàng miếng” (hàng mã) để phát lộc. Nếu ai muốn vay tiền thật, thì sẽ có bao lì xì chứa tiền 20 ngàn, 50 ngàn thật. Người vay phải công đức 100 ngàn để vay được số tiền ấy¹⁰.

3. So với các vùng miền khác, tín ngưỡng dân gian Nam Bộ mang đậm hơn dấu ấn của các tín ngưỡng cổ Đông Nam Á (tục thờ đất, thờ đá, thờ mẹ - nữ thần, đồng cốt, ma thuật...)

3.1. Tín ngưỡng Bà Chúa Xứ

Lễ hội Bà Chúa Xứ trên núi Sam là lễ hội lớn nhất Nam Bộ, đặc biệt những người buôn bán có lệ hàng năm đến đây xin lộc, vay tiền, trả nợ Bà.

Các dân tộc cùng sống trên mảnh đất Nam Bộ thờ người mẹ xứ sở chung - Bà Chúa Xứ là nét khá độc đáo của tín ngưỡng Nam Bộ. Nếu đất Bắc có vị tổ tiên chung là các vua Hùng, nhưng không có vị thần xứ sở chung, thì vào đến Miền Trung, người Việt gặp vị nữ thần xứ sở của người Chăm, Poh Yang Inur Nagar hay Po Ino Nogor, người Việt tiếp thu và gọi là bà Thiên Y A Na hay bà Thánh Mẫu Chúa Ngọc. Vào đến Nam Bộ, một vị nữ thần mới, không ai biết lai lịch, tên tuổi, nhưng quan trọng là tìm được tượng ở mảnh đất này, người Việt coi là vị thần bản địa, *hiển lộ qua đồng cốt* cho biết mình là Bà Chúa Xứ sở, và dân chúng lập tức tôn thờ. Khái niệm về mẹ xứ sở người Việt tiếp

nhận từ người Chăm và gán nó vào một bức tượng Balamôn giáo vô tình tìm được trên núi Sam, đã tạo nên một hình tượng mẹ xứ sở mới hoàn toàn là Bà Chúa Xứ. Tâm thức Việt diễn biến qua thời gian và không gian, trải qua những miền đất lạ, từ đất Chăm đến đồng bằng Nam Bộ, đã chuẩn bị sẵn cho một vị thần mới xuất hiện, là bà mẹ xứ sở của miền đất mới định cư. Và thế là một hiện tượng tôn giáo độc đáo ra đời, nó tích hợp trong đó đủ mọi đặc sắc của tín ngưỡng Đông Nam Á cổ: thờ nữ thần, thờ đất, đồng cốt, phù thủy....

Hiện tượng thờ Bà Chúa Xứ đất Nam Bộ có dấu ấn của tín ngưỡng Đông Nam Á cổ xưa (thờ mẹ - nữ thần, đồng cốt), có dấu ấn của Balamôn giáo, với bức tượng cổ được tìm thấy trên núi (có thể thuộc lớp văn hóa Phù Nam), có dấu ấn của tín ngưỡng Chăm, với quan niệm về một bà mẹ xứ sở gieo vào tâm thức lưu dân Việt, là dấu ấn của lịch sử di dân về phương Nam của người Việt, và sau cùng, có dấu ấn của tín ngưỡng thương mại hóa - lĩnh vực Nam Bộ cũng đi trước cả nước, với tục xin lộc, vay tiền.

3.2. Nét đặc sắc của tín ngưỡng Thành hoàng Nam Bộ

Thành hoàng vốn được thờ cúng phổ biến nơi Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, theo chân người lưu dân vào Nam Bộ. Chính ở đây, tín ngưỡng này thể hiện giản đơn nhưng rõ rệt chức năng quan trọng của nó trong đời sống cư dân Việt.

Càng tiến vào đất lạ, người Việt càng có nhu cầu cố kết cộng đồng, và hơn nữa, gắn bó cái cộng đồng mới của mình với cộng đồng dân tộc đất nước.

Người Việt khai hoang đến đâu, lập ấp đến đâu, và một trong những việc đầu tiên là lập đình thờ Thành hoàng. Nhà văn Sơn Nam, người mang tâm hồn Nam Bộ sâu sắc, đã phát biểu: “Xây dựng đình làng là nhu cầu tinh thần, có đình thì mới tạo được thế đứng, gắn bó với cộng đồng dân tộc và càn khôn vũ trụ, bằng không thì chỉ là lục bình trôi sông, viên gạch rời rạc, một dạng lưu dân tập thể”¹¹. Trong các lễ tế Thành hoàng Nam Bộ, nhiều nơi có nghi lễ mời vua về phối hưởng. Nhà nghiên cứu Diệp Đình Hoa, cho rằng hành vi mời vua về phối hưởng trong lễ tế Thành hoàng ở Nam Bộ dưới thời trực trị của Pháp phản ánh “ý thức về một vùng đất vốn đã có chủ, thể hiện rõ nét

bản sắc văn hóa sâu đậm về tính triết lý của chủ nghĩa yêu nước ăn sâu trong tiềm thức”¹².

Thành hoàng vào đến Nam Bộ càng nổi bật hơn bản chất của ông thần này là thần bảo hộ cộng đồng, khi rất nhiều làng chỉ thờ ông với danh xưng chung chung Thành hoàng Bản cảnh, không rõ tên tuổi, không rõ công lao, không thần tích. Điện thờ chỉ có một chữ “Thần”.

Như vậy, Thành hoàng ở Nam Bộ đúng nghĩa là vị Thành hoàng khái quát nhất, lược bỏ những cái cụ thể, hào nhoáng, những chi tiết bên ngoài, của các vị Tướng quân, Đại vương, Công chúa, Phu nhân... cùng những truyện tích đi kèm nơi các vị Thành hoàng đất Bắc, để chỉ còn cái đặc trưng nhất, là vị thần đại biểu cho cộng đồng làng, có kết dân làng và gắn bó cộng đồng làng với quốc gia, dân tộc.

3.3. Tín ngưỡng Ngũ Hành Nương Nương

Người dân Nam Bộ hay gọi Ngũ Hành Nương Nương là bà Ngũ Hành, là thói quen gọi tắt, gồm năm bà Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Miếu bà Ngũ Hành được lập ở rất nhiều nơi, rải rác trong các thôn xóm. Ngay trong khuôn viên đất gia đình, nhiều người cũng lập miếu thờ Ngũ Hành. Không chỉ được thờ riêng, miếu (hay ban) thờ bà Ngũ Hành còn đặt ở hầu khắp các đình, chùa, điện, đền khác. Điều đó chứng tỏ người dân Nam Bộ rất sùng tín vào bà Ngũ Hành. Giản đơn thì trong miếu chỉ có bài vị, cầu kỳ hơn thì có tượng 5 bà với trang phục 5 màu khác biệt.

Theo dân gian, lễ vía Ngũ Hành Nương Nương vào ngày 19 tháng Ba âm lịch, được tổ chức khá lớn. Tại các miếu bà Ngũ Hành và ở các ngôi đình làng vào ngày vía bà rất vui, náo nhiệt với các sinh hoạt văn nghệ, các đám bóng rỗi hát tể, múa dâng hoa... Lễ cúng dịp vía bà Ngũ Hành ở các ngôi đình có khi to không kém lễ cúng Thành hoàng: “Mang danh nghĩa “đình” là dành thờ Thành hoàng (vị nhân thần bảo hộ cho làng, xã), nhưng trong đình thì ngoài bệ thờ Thành hoàng, luôn luôn có thêm bàn thờ, trang thờ Ngũ Hành Nương Nương, Quan Thánh, Thổ Địa, Tiền Hiền, Hậu Hiền, Linh Sơn Thánh Mẫu, v.v... Ở những ngôi đình cổ, như đình Minh Hương Gia Thạnh (ở quận 5, xây năm 1797), đình Phong Phú (ở quận 9, xây năm 1937), đình Phú Nhuận (150 năm tuổi), đình An Phú (ở quận 12, khoảng 250 năm

tuổi), v.v..., thì hằng năm, bá tánh cúng vía bà cũng lớn không thua gì lễ vía Thành hoàng địa phương”¹³.

Tục thờ này có lẽ do người Hoa có trước, rồi ảnh hưởng sang người Việt. Nhưng việc thờ Ngũ Hành phổ biến ở Nam Bộ cùng tâm lý sùng tín Ngũ Hành như vậy là một nét khác biệt của vùng đất này so với Bắc Bộ. Và cho đến nay, tôi chưa thấy có một lời giải thích thỏa đáng về hiện tượng này. Đành rằng tâm thức tín ngưỡng vào mẹ - nữ thần là rất mạnh, song có bao nhiêu nữ thần, tại sao người ta lại tin vào bà Ngũ Hành.

3.4. Tín ngưỡng Bà Đen

Bà Đen được thờ nhiều nơi, nhưng nơi thờ chính của Bà ở núi Bà Đen Tây Ninh. Lễ vía Bà là một lễ hội lớn, quan trọng nhất trong năm, tiến hành trong 3 ngày, từ mùng 4-6 tháng 5 âm lịch.

Núi Bà Đen, còn gọi núi Một, núi Điện Bà, là ngọn núi nổi lên giữa đồng bằng Đông Nam Bộ và cũng là núi cao nhất Nam Bộ (gần 1.000 mét), thuộc tỉnh Tây Ninh. *Gia Định Thành Thông Chí* (Quyển 2 Sơn xuyên chí, mục Trấn Biên Hòa, hệ núi Thần Quy) nhắc đến núi Bà Đĩnh, đây chính là tên cũ của núi Bà Đen.

Sự tích Bà Đen không thống nhất. Theo Nông Huyề Sơn, có đến 3 truyền thuyết về Bà Đen:

“Truyền thuyết thứ nhất cho rằng, ngày xưa, chủ vùng núi này là người phụ nữ Phù Nam có tên là Rê Đeng. Do người đời sau đọc trại thành Đen.

Truyền thuyết thứ hai cho rằng, Bà Đen tên thật là Lý Thị Thiên Hương, con gái một vị quan trấn nhậm Trảng Bàng thuộc triều Nguyễn tên là Lý Thiên. Mẹ là bà Đặng Ngọc Phụng, người gốc ở Bình Định vào Trảng Bàng lập nghiệp.

Trong làng có chàng trai Lê Sĩ Triệt, mồ côi cha mẹ, được một nhà sư nuôi dạy từ nhỏ, văn hay võ giỏi.

Lần nọ, Thiên Hương lên núi cúng chùa bị một đám côn đồ vây bắt. Giữa lúc nguy khốn thì chàng Lê Sĩ Triệt xông ra đánh đuổi, cứu được nàng. Để đáp ơn chàng, cha mẹ nàng Thiên Hương hứa gả nàng cho Lê Sĩ Triệt. Chưa kịp đám cưới thì Lê Sĩ Triệt phải tòng quân đánh Tây Sơn.

Khi Lê Sỹ Triệt tòng quân, ở nhà Lý Thị Thiên Hương bị kẻ xấu vây bắt, toan hãm hiếp. Giữ lòng trung trinh, nàng Hương nhảy xuống khe núi tử tiết. Sau khi chết, nàng Lý Thị Thiên Hương hiển thánh báo mộng cho vị sư trụ trì trên núi biết. Trong mộng, nàng Hương xuất hiện trong hình dáng một người phụ nữ đen đúa? Vị sư bèn đi tìm thi thể nàng đem về mai táng. Vì vậy, vị sư gọi nàng là nàng Đen. Người đời sau gọi là Bà Đen để tỏ lòng tôn kính.

Truyện thuyết thứ ba có ghi trong quyển “Sự tích Thánh Mẫu Phật Bà Tây Ninh” rằng: Thuở mới khai hoang vùng đất, một viên quan trấn thủ vùng chân núi Một có 2 người con. Người con trai tên là Thạch Biên. Người con gái là Thạch Nương, có tên thường gọi là Đênh.

Khi nàng Đênh 13 tuổi, có một nhà sư tên là Trung Vân Danh, đạo hiệu Trùng Thanh tìm đến lưng chừng núi Một dựng chùa, thờ Phật và hoàng pháp độ sanh.

Mộ đạo, nàng Đênh đã xin theo nhà sư Trùng Thanh học đạo. Thấy nàng Đênh xinh đẹp, quan trấn thủ Trảng Bàng cho người mai mối xin cưới cho con trai. Khi hai gia đình chuẩn bị lễ vật cho lễ cưới thì bất ngờ nàng mất tích. Gia đình hai bên cho người tìm kiếm khắp nơi thì phát hiện một khúc chân nghi là của nàng Đênh. Mọi người đồn đoán rằng nàng Đênh đã bị cạp vồ. Gia đình mai táng khúc chân và lập mộ cho nàng dưới chân núi.

Từ đó, người ta gọi ngọn núi Một là núi Bà Đênh, đọc trại dần thành Bà Đen (?).

Khi Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn đánh đuổi, chạy đến núi Bà Đen lần tránh. Thiếu lương thực, từ chúa đến lính đều đói lả. Nghe dân cư đồn về sự linh thiêng của Bà Đen, trong cơn tuyệt vọng, chúa Nguyễn Ánh đã cầu khẩn xin phò trợ. Đêm đó, Bà Đênh xuất hiện trong mộng của chúa Nguyễn Ánh. Bà cho biết Nguyễn Ánh đang nằm ngủ dưới gốc một loại cây cho trái có thể cứu đói binh sĩ.

Khi thức giấc chúa Nguyễn Ánh trông thấy trên cành cây mình đang nằm ngủ có nhiều quả nhỏ chi chít. Hái xuống ăn thử thì có vị rất ngon. Ông truyền cho binh sĩ hái loại quả ấy ăn lót dạ. Ông đã đặt tên cho loại quả ấy là “tùng quân”.

Năm 1790, Nguyễn Ánh đưa binh lính quay lại núi đúc tượng, cất lại điện thờ. Sau đó phong sắc Linh Sơn Điện và phong bà là Linh Sơn Thánh Mẫu¹⁴.

Như vậy, sự tích Bà Đen lập lại mô-típ thờ người phụ nữ bất hạnh, chưa chồng, chết trẻ, vốn phổ biến ở thần tích người Việt, và những cái tên Đen, Đỉnh, Thạch Biên, Thạch Nương cho thấy có thể có dấu ấn tục cổ thờ đá.

Tín ngưỡng Bà Đen (Linh Sơn Thánh Mẫu), theo nhiều tác giả, *phản ánh sự dung hợp Việt, Chăm, Khmer, Hoa*. Chẳng hạn, Huỳnh Thiệu Phong cho rằng “Cụ thể hơn, trong văn hóa Chăm, vị nữ thần xứ sở của họ chính là Po Inur Nagar còn được biết đến với tục danh là bà Đen (Muk Juk). Chính hình tượng này đã kết hợp với vị nữ thần Neang Khmau của người Khmer đã tạo nên hình tượng Linh Sơn Thánh Mẫu ngày nay”¹⁵.

Trước đây, Lê Hương từng cho biết người Khmer thờ vị thần gốc Bàlamôn giáo “bà Néang Khmau, gọi là bà Đen, vốn là nữ thần Kali là vị nữ thần trông coi một vùng và được sùng bái như Ông Tà. Người Việt quen gọi là bà Chao. Hai vị thần này hay giúp người bằng cách báo mộng hoặc cho xâm. Ông xâm của Ông Tà chỉ có 26 thẻ mà thôi”¹⁶.

Như vậy, việc có đến 3 truyền thuyết khác nhau về Bà Đen không quan trọng. Cũng như trường hợp Bà Chúa Xứ, Bà Đen được thờ phụng vì bản thân cư dân Việt đã có sẵn tâm thức thờ một vị thần như vậy, tiếp nhận từ những dân tộc mà họ chung sống trên con đường tiến về Nam (Chăm) hay trên vùng đất lập nghiệp (Khmer).

3.5. Tín ngưỡng chủ đất - Chủ Ngu Ma Nương

Chủ Ngu (hay Chúa Ngung) Ma Vương (hay Ma Nương) được xem là vị thần chủ đất cũ, người lưu dân đến canh tác trên đất của thần, phải thờ cúng để mong không bị quấy phá, đây cũng là một nét nổi trội rõ rệt dĩ nhiên không gặp ở đất Bắc. Tục này có khả năng là người Việt có từ khi đến ở trên đất của người Chăm, rồi mang theo vào Nam Bộ, và Chủ/Chúa Ngung/Ngu Ma Nương theo Lê Văn Hảo chẳng qua là một tên gọi khác của bà Thiên y A Na (Bà Trời, Bà Chúa Xứ sở người Chăm Poh Yang Inur Nagar hay Po Ino Nogor)¹⁷. Sơn

Nam cũng cho là Chúa Ngung Ma Nương khởi đầu ở Trung Bộ và được lưu dân đem vào Nam Bộ¹⁸. Đáng chú ý, trong lễ cúng đất người ta nhờ thầy pháp buộc Chủ Ngu phải chấp nhận, thậm chí có ký kết thỏa thuận hẳn hoi, cho mượn đất, hay mua đất, với hứa hẹn sẽ được người ta cúng tế cụ thể. Ví dụ, Tạ Chí Đại Trường có dẫn một khảo sát của M. Landes: “Trường hợp một làng ở tỉnh Chợ Lớn (một phần Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An ngày nay) tổ chức (1789) cúng lớn đến 7 ngày đêm, mất hết 700 quan cho 16 pháp sư hành lễ, trả tiền (giấy vàng mã) thuê đất là 1.500 quan cùng lời hứa hẹn 3 năm cúng một heo làm định kỳ”¹⁹. Có khi người ta mời ông bà đồng cốt đến để gọi hồn Chủ Ngu lên, đàm phán để Chủ Ngu phải cho người ta thuê đất từng năm hay thuê đất suốt đời tùy theo thỏa thuận.

3.6. Đồng cốt, phù thủy, luyện bùa ngải, ma thuật ở Nam Bộ phát triển nhiều hơn ở Bắc

Đây cũng là một nét nổi trội của tín ngưỡng dân gian Nam Bộ. Đặc biệt các tín ngưỡng này có tiếp thu lẫn nhau giữa người Việt với Khmer, Chăm. Ở người Khmer, việc lên đồng xưa kia rất phổ biến. Số người hành nghề lên đồng (gọi là Rup) cùng các thầy pháp (Krou) rất nhiều. Hễ có việc gì khó giải quyết, bệnh tật cho gia súc và người, là lập tức mời Krou lại chữa chạy, thường dùng pháp thuật, ma thuật. Nếu Krou yêu cầu phải hỏi thần linh, thường là Néak Ta, tổ tiên (Arak), thì người ta mời Rup về làm lễ, xin thần linh, tổ tiên nhập vào trả lời.

Thầy pháp Krou cũng có người xấu người tốt. Có ông gỡ bùa hại người thì lại có ông cho bùa, bán bùa hại người, bùa lừa người đoạt tiền, bùa yêu lấy được vợ trẻ đẹp, hay khiến chồng thương.... Nhưng người ta tin rằng pháp sư dùng bùa phép, sai âm binh làm điều xấu thì sẽ bị trừng phạt. Các pháp sư trong phum sóc Acha là những vị pháp sư tốt chăm lo cho đời sống dân làng.

Vùng Thất Sơn tỉnh An Giang, vùng núi Tà-Lơn bên Campuchia dường như là thánh địa cho những người ả tu, có thể luyện bùa ngải, thư yểm cùng các bài thuốc chữa bệnh. Có một loại người Miên bị quỷ ám (Thmup) phải sống cô độc trong núi, đầm lầy, theo niềm tin dân gian, có thể tiếp xúc với ma quỷ, biết các bài thần chú, biết làm “thư” - vật yểm chui vào người bị “thư” gây bệnh tật đau đớn. Có người

thuê Thmup “thu” kẻ mình thù oán, người bị “thu” nếu biết thì có thể thuê Thmup khác cao tay hơn, hoặc thuê thầy pháp Krou trực “thu” đi. Thmup cũng có khả năng ếm trừ từ xa ai đó: làm hình nộm nhỏ bằng bột gạo hay sáp, ghi tên tuổi người muốn hại, rồi làm lễ, đọc thần chú, quất mắng hình nộm, đâm kim vào hình nộm; cũng có khi làm hình nộm lớn bằng rom, cắm tên vào ngực, vào đầu, đánh bằng roi, trôn xuống đất. Người ta tin rằng, người bị ếm trừ sẽ đau đớn ở bộ phận thân thể tương ứng. Các pháp sư có thể luyện *gông* là một loại bùa khiến đạn bắn không trúng, được những người tham gia cuộc tấn công phá ngục Sài Gòn năm 1916 nhằm cứu thủ lĩnh Phan Xích Long đeo *gông* nhưng vẫn bị bắn chết, bị thương và bị bắt.

Đúng như Trần Văn Giàu nói về nông dân Nam Bộ xưa: “Học hành không có gì nhiều nhưng tín ngưỡng ma thuật thiên cổ thì dữ lắm, tín ngưỡng thiên cổ ấy vào Nam lại được tô đậm thêm, được thêm chân thêm râu bởi bởi tín ngưỡng thổ dân Chăm, Miên”²⁰.

Thực ra những tín ngưỡng này vốn ở Bắc cũng không ít, nhưng do ảnh hưởng Nho giáo nên nó có phần chìm đi. Người Việt vào Nam Bộ, gặp tín ngưỡng này ở người Khmer, niềm tin vốn có vào những tín ngưỡng này có điều kiện bung ra phát triển mạnh hơn. Nó trở thành lớp nền trên đó nhiều tôn giáo mới nảy sinh (Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, đạo Trần Long Hải, Cao Đài, Hòa Hảo,...).

Kết luận

1. Nam Bộ so với Bắc rõ ràng có những nét đặc sắc riêng về văn hóa và tôn giáo.

Khi tiến vào Nam, người Việt bắt đầu tách xa hơn khỏi thế giới Nho giáo ảnh hưởng hơn ngàn năm. Từ chỗ thế giới với người Việt là Trung Hoa và Trung Hoa là cánh cửa ra thế giới bên ngoài; Trung Hoa cũng là chuẩn mực để họ nhìn thế giới, đến chỗ họ được tiếp xúc với một thế giới hoàn toàn khác, phi Hoa, bắt đầu là Chăm, rồi tiếp đây là Khmer, với văn hóa Bàlamôn giáo và Phật giáo nguyên thủy. Từ cuối thế kỷ 17, phương Nam kinh tế phát đạt, thuyền buôn cùng các nhà truyền giáo từ Ấn, Hoa, Mã Lai, Nhật Bản, Phương Tây đến Sài Gòn đã biến Nam Bộ trở thành cánh cửa ra thế giới, đi trước cả nước trong tiếp xúc và mở mang văn hóa.

Như vậy, “công cuộc khai phá Nam Bộ xét về mặt văn hóa đã mở cho cả dân tộc con đường trở về với Đông Nam Á cội nguồn, đồng thời cũng là con đường đến với thế giới - điều này vô cùng quan trọng vì nhiều thế kỷ trước đây, thế giới với người Việt Nam chỉ là Trung Hoa”²¹.

Cho nên, người Nam Bộ năng động. Năng động cả trong tôn giáo và tín ngưỡng. Nếu ở Bắc Bộ, Nho giáo cùng các thể chế văn hóa lâu đời cản trở đổi mới, thì Nam Bộ đi đầu trong tất cả các cách tân kinh tế, văn hóa và tôn giáo. Chẳng những Nam Bộ đi trước trong sản xuất hàng hóa, thương mại quốc tế, cách ăn mặc theo lối Tây, sử dụng quốc ngữ, nghề in ấn, làm báo, viết văn, tân nhạc, cải lương..., mà trong lĩnh vực tôn giáo tín ngưỡng Nam Bộ cũng khai phá. Các cuộc cách tân tôn giáo ngay từ giữa thế kỷ 18 của Đoàn Minh Hương, công cuộc chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ 20, các phong trào tôn giáo mới Cao Đài và Hòa Hảo,... cho thấy một Nam Bộ cởi mở, dám chấp nhận cái mới, dám thay đổi, luôn đi trước cả nước.

Tiến về Nam, người Việt không chỉ mở ra cho mình cánh cửa văn hóa khác, mà còn là sự trở về văn hóa cội nguồn của mình, văn hóa cổ Đông Nam Á, mà họ từng ít nhiều để nó chìm lắng xuống dưới, trong quá trình dài chịu ảnh hưởng của văn hóa Hán, đặc biệt là Nho giáo. Những tín ngưỡng cổ Đông Nam Á thờ đất, thờ đá, thờ núi, thờ mẹ - nữ thần, đồng cốt, ma thuật... nơi vùng đất Bắc dù ít nhiều có bị lấn át, khuất lấp nhưng vẫn được bảo tồn, thì khi vào Nam gặp môi trường thuận lợi chúng trở nên mạnh mẽ hơn, dưới những hình thức mới mẻ hơn, phong phú hơn, giản dị hơn.

2. Trên con đường con đường di cư, người Việt tiếp thu dọc đường và mang theo vào Nam Bộ cả những hành trang tâm linh, nhờ đó đem lại sự độc đáo với sự tích hợp văn hóa đa dân tộc cho tín ngưỡng dân gian Nam Bộ. Những tín ngưỡng Ông Tà, Bà Chúa Xứ, Bà Đen là những hiện tượng đặc sắc và tiêu biểu cho quá trình ấy. Sự du nhập của lớp người Hoa thời Minh - Thanh đưa lại cho Nam Bộ thêm một lớp tín ngưỡng Hoa Nam với Thiên Hậu, Quan Đế, bà Ngũ Hành, Ông Bồn... giúp cho diện mạo tín ngưỡng của mảnh đất phương Nam thêm phong phú, màu sắc và hấp dẫn - vui tươi (có thể nói như vậy) - đáp ứng cái nhu cầu tâm linh đa dạng, cởi mở của một vùng đất đa văn hóa - đa tộc người.

3. Mặc dù có những khác biệt và những nét đặc sắc, tín ngưỡng người Việt ở Nam Bộ vẫn mang đậm cái chất Việt Nam. Bất kể bạn là người Bắc lần đầu vào Nam, tiếp xúc với tín ngưỡng Nam Bộ, bạn không hề thấy sợ hãi, khó tiếp nhận. Tín ngưỡng Nam Bộ không bài trừ tâm thức tôn giáo người Việt Nam mà còn góp phần làm nó phong phú. Thậm chí, nhiều trường hợp, như tín ngưỡng Thành hoàng, Bà Chúa Xứ, Bà Đen trong phần trên đã phân tích, còn làm nổi bật hơn tâm thức vốn có của người Việt./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Li Tana (2013), *Xứ Đàng Trong, lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, Nguyễn Nghị dịch, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh: 244.
- 2 Li Tana, Sdd: 248.
- 3 Viện Sử học (2007), *Lê Quý Đôn - Phủ biên tạp lục*, bản dịch của Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Trọng Hân, Nguyễn Ngọc Tinh; Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội: 79.
- 4 Mạc Đường (chủ biên, 1991), *Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 30.
- 5 Lê Hương (1969), *Người Việt gốc Miên*, Sài Gòn: 36.
- 6 Lê Hương, Sdd: 74.
- 7 Vương Hồng Sển (1960), *Sài Gòn năm xưa*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai tái bản: 182-185.
- 8 Nguyễn Ngọc Thơ (2014), “Đặc trưng tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long”, *Phát triển Khoa học và Công nghệ*, tập 15, số 4: 88-107.
- 9 Nguyễn Ngọc Thơ, bài đã dẫn: 88-107.
- 10 Như Phú, *Cuồng tín tại chùa Bà*, báo *Người Lao động*, 21-02-2016.
<http://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/cuong-tin-tai-chua-ba-20160221224207936.htm>
- 11 Sơn Nam (1992), *Đình miếu và lễ hội dân gian*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh: 17.
- 12 Diệp Đình Hoa (1998), “Trống đồng cổ và tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng”, *Văn hóa dân gian*, số 4 (64).
- 13 Phạm Nga, *Tục Thờ Ngũ Hành Nương Nương*. Theo bài báo này thì vào ngày vía bà Ngũ Hành, dân pê-đê nam thường đến miếu lễ và múa bóng rỗi.
<http://hatvan.vn/forum/threads/tuc-tho-ngu-hanh-nuong-nuong.149>.
- 14 Nông Huyền Sơn, *Huyền tích Linh Sơn Thánh Mẫu núi bà Đen*.
<http://antg.cand.com.vn/Kinh-te-Van-hoa-The-Thao/Huyen-tich-Linh-Son-Thanh-Mau-nui-Ba-den-381839>
- 15 Huỳnh Thiệu Phong, *Về tục thờ bà Đen ở Nam Bộ (Qua nghiên cứu khu du lịch Núi bà Đen, Tây Ninh)*.
<https://nghiencuulichsu.com/2017/03/08/ve-tuc-tho-ba-den-o-nam-bo/>
- 16 Lê Hương, Sdd: 36.
- 17 Lê Văn Hào (2012), “Mấy ý kiến về cuốn sách Tín ngưỡng thờ nữ thần của người Việt ở Xứ Quảng” của Nguyễn Xuân Hương (Nxb. Đà Nẵng, 2011), *Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng*, số 25 (2012): 52.

- 18 Sơn Nam (2009), *Biển cỏ miền Tây và hình bóng cũ*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh: 328.
- 19 Tạ Chí Đại Trường (1989), *Thần, Người và Đất Việt*, Nxb. Văn nghệ, California: 281.
- 20 Trần Văn Giàu (1975), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 206.
- 21 Đặng Thế Đại (2008), “Tính đặc sắc Nam Bộ và truyền thống văn hóa Việt Nam qua một dòng tôn giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4(58).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thế Đại (2008), “Tính đặc sắc Nam Bộ và truyền thống văn hóa Việt Nam qua một dòng tôn giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4(58).
2. Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, bản dịch của Viện Sử học, do Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Trọng Hân, Nguyễn Ngọc Tinh dịch, và Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Văn hóa - Thông tin tái bản, Hà Nội. 2007.
3. Mạc Đường (chủ biên, 1991), *Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Trần Văn Giàu (1975), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến cách mạng tháng Tám*, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Lê Văn Hào (2012), “Mấy ý kiến về cuốn sách Tín ngưỡng thờ nữ thần của người Việt ở Xứ Quảng” của Nguyễn Xuân Hương (Nxb. Đà Nẵng, 2011), *Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng*, số 25.
6. Diệp Đình Hoa (1998), “Trống đồng cổ và tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng”, *Văn hóa dân gian*, số 4 (64).
7. Lê Hương (1969), *Người Việt gốc Miên*, Sài Gòn.
8. Li Tana (2013), *Xứ Đàng Trong, lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, Nguyễn Nghị dịch, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
9. Phạm Nga, *Tục Thờ Ngũ Hành Nương Nương*, (<http://hatvan.vn/forum/threads/tuc-tho-ngu-hanh-nuong-nuong.149>).
10. Huỳnh Thiệu Phong, *Về tục thờ bà Đen ở Nam Bộ (Qua nghiên cứu khu du lịch Núi bà Đen, Tây Ninh)*. (<https://nghiencuulichsu.com/2017/03/08/ve-tuc-tho-ba-den-o-nam-bo/>).
11. Như Phú, *Cuồng tín tại chùa Bà*, báo *Người Lao động*, 21-02-2016. (<http://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/cuong-tin-tai-chua-ba-20160221224207936.htm>).
12. Thạch Phương, Hồ Lê, Huỳnh Lứa, Nguyễn Quang Vinh (1992), *Văn hóa dân gian người Việt ở Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Vương Hồng Sển (1960), *Sài Gòn năm xưa*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai tái bản, 2005.
14. Nông Huyền Sơn, *Huyền tích Linh Sơn Thánh Mẫu núi bà Đen*. (<http://antg.cand.com.vn/Kinh-te-Van-hoa-The-Thao/Huyen-tich-Linh-Son-Thanh-Mau-nui-Ba-den-381839>).
15. Sơn Nam (1992), *Đình miếu và lễ hội dân gian*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
16. Nguyễn Ngọc Thơ (2014), “Đặc trưng tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long”, *Phát triển Khoa học và Công nghệ*, tập 15, số x4.
17. Tạ Chí Đại Trường (1989), *Thần, Người và Đất Việt*, Nxb. Văn Nghệ, California.

Abstract**CHARACTERISTICS OF FOLK RELIGIONS IN THE SOUTH VIETNAM**

The inhabitants in the South (Nam Bộ) are mainly the Kinh people, there are many other ethnic groups such as the Khmer, the Chinese, the Cham, etc. They have lived together and participated early in the process of reclamation the land, contributed to build the current appearance of the South in all aspects. Arriving the South, the Kinh people, on the one hand, began to separate further from the Chinese world and contacted with a complete different world (non-China) making them more open and dynamic in every dimension, including the faith, on the other hand, there was an opposite trend: a return to the original Southeast Asian culture. This article analyzes the religious acculturation among the ethnicities, such as the religions of Ông Tà, Quan Đế (Guan Yu), Thiên Hậu (Mazu) as well as, the marks of ancient religions of South East Asia (the worship of the land, of the rock, of the mother, of the goddesses, of the spirits...) through the religions of Holy Mother of the Realm (Bà Chúa Xứ), Ba Đền, City God (Thành hoàng), the Wu Xing also known as the Five Elements, Chủ Ngu Ma Nương, etc. These religions have produced a diversity of the Vietnamese mentality.

Keywords: Folk religions, South, Vietnam.